

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 28 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kiều Thị Thắng – **Giáo viên nghỉ hưu.**
2. Ông Nguyễn Đình La – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện TD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2003, tại: A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị L; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện TD, “có mặt”.

Bị hại: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2005, “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981 (Bố đẻ bị hại), “vắng mặt”.

Nơi cư trú: Thôn G, xã H, TD, Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Võ Thanh T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Ông Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1980, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

Người làm chứng: Anh Phùng Việt P, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc G là người không có nghề nghiệp, thu nhập và tài sản gì. Sáng ngày 09/01/2022, G đến nhà trọ của anh Nguyễn Tuấn A, ở thôn G, xã H, huyện TD. Khoảng 21 giờ cùng ngày, G mượn Tuấn A chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, màu đen, BKS 88K1 – 442.27 để đi lấy quần áo rồi quay về nhà Tuấn A tắm, Tuấn A đồng ý và giao chìa khóa xe cho G quản lý sử dụng. Sau đó, Tuấn A ngồi chơi điện tử còn G lấy xe mô tô của Tuấn A và rủ Nguyễn Quang Đ, sinh năm 2003 ở thôn N, xã A, huyện TD cùng đi lấy quần áo của G, Đ đồng ý. G điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến nhà anh Đỗ Xuân T1, sinh năm 2003 ở thôn N 1, xã A, huyện TD lấy quần áo. Sau khi lấy quần áo xong, G điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà Tuấn A để tắm. Khi đi qua thị trấn H, huyện TD, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên G đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của Tuấn A để lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định, G điều khiển xe mô tô chở Đ đến nhà anh T ở tổ dân phố L, thị trấn H, huyện TD để cầm cố xe mô tô. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, G đến nhà anh T và thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 88K1 – 442.27 với số tiền 20.000.000đ, hẹn trong 02 ngày sẽ lấy lại chiếc xe mô tô, anh T đồng ý và tính tiền lãi trong vòng 30 ngày là 2.000.000đ rồi đưa G số tiền 18.000.000đ. Sau khi cầm cố xe mô tô cho anh T xong, G bắt xe taxi chở Đ đến nhà nghỉ ở xã Đ, huyện TD rồi bảo Đ ở lại nhà nghỉ đợi G để G đi giải quyết công việc. Sau đó, G **đi taxi thuê một nhà nghỉ khác** và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 18.000.000đ mà không quay lại đón Đ, do không có tiền để chuộc lại xe mô tô trả lại cho Tuấn A nên G đã bỏ trốn.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Tuấn A nhiều lần gọi điện cho G yêu cầu trả xe mô tô nhưng G tắt máy và bỏ trốn. Ngày 14/01/2022, ông Nguyễn Văn Q (bố của Tuấn A) đến nhà anh T chuộc lại xe mô tô với số tiền 20.000.000đ rồi trình báo Cơ quan điều tra – Công an huyện TD giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã triệu tập Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Ngọc G, ông Nguyễn Văn Q, Võ Thanh T và những người liên quan đồng thời thu giữ chiếc xe mô tô do ông Q giao nộp và số tiền 20.000.000đ do anh T giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện TD đã yêu cầu định Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TD định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, BKS 88K1 – 442.27. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tung Hình sự huyện TD kết luận trị giá chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 83.300.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TD đã thông báo kết luận định giá nêu trên cho bị cáo, bị hại và những người liên quan biết. Tất cả đều đồng ý và không thắc mắc gì. Tại cơ quan điều tra, G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 39/CT-VKSTD ngày 20 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo G về tội “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo G; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng.

Bị hại anh Nguyễn Tuấn A, người đại diện hợp pháp bị hại ông Nguyễn Văn Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh T; người làm chứng anh Phùng Việt P vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp với lời trình bày của bị cáo, người liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ. Tất cả đều không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D1, là bố đẻ của G đã tự nguyện bồi thường cho ông Q số tiền 20.000.000đ, ông không đề nghị bị cáo trả lại số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Khoảng 21 giờ ngày 09/01/2022, tại nhà trọ của Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2005 ở thôn G, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuấn A giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150I, màu đen, BKS 88K1 – 442.27 cho Nguyễn Ngọc G, sinh năm 2003 ở thôn Nội Điện, xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc mượn làm phương tiện đi lại. Sau khi mượn được xe của Tuấn A, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên G đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của Tuấn A để lấy tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. G đã mang chiếc xe mô tô cầm cố cho anh Võ Thanh T, sinh

năm 1996 ở tổ dân phố L, thị trấn Hợp Hòa, huyện TD được số tiền 18.000.000đ để sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn và không có khả năng trả lại tài sản cho Tuấn A. Xe mô tô trị giá 83.300.000đ.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Ngọc G đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[4]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã tác động để bố đẻ là ông D bồi thường toàn bộ thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5]. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, do đó đáng được hưởng khoan hồng có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo G là đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Đối với vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc mô tô BKS: 88K1 - 442.27, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hương G1, sinh năm 1980 ở thôn Y, xã H, huyện TD cho con trai là Phạm Ngọc B, sinh năm 2002 sử dụng, sau đó B cho Tuấn A mượn làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra, chị G đề nghị Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho Tuấn A nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho Tuấn A là phù hợp.

- Quá trình điều tra ông D, là bố đẻ của G đã tự nguyện bồi thường cho ông Q số tiền 20.000.000đ. Sau khi nhận tiền ông Q không có ý kiến đề nghị gì nên không xét. Đối với số tiền 20.000.000đ ông D bồi thường thay cho bị cáo G, ông D không đề nghị bị cáo trả lại nên không xét.

- Đối với số tiền 20.000.000đ thu giữ của anh Võ Thanh T: Trong đó có 1.671.000đ là tiền T thu lời bất chính của ông D (ông Q trả cho T, sau đó ông D trả

cho ông Q), về nguyên tắc trả lại cho ông D, tuy nhiên tại phiên tòa ông D không đề nghị nhận lại số tiền trên. Do vậy cần trả lại cho anh T số tiền 20.000.000đ là phù hợp.

[8]. Đối với Võ Thanh T quá trình điều tra xác định, khi G cầm cố xe mô tô cho Tùng, G không nói cho T biết chiếc xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có. Bản thân T và G không có sự hứa hẹn, bàn bạc từ trước về việc cầm cố xe mô tô vào ngày 09/01/2022 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD không đề cập xử lý là phù hợp. Tuy nhiên, T có hành vi cho vay lãi gấp trên 05 lần mức lãi suất tối đa cho phép trong giao dịch dân sự, có dấu hiệu của tội “Cho vay nặng lãi” quy định tại Điều 201 BLHS. Nhưng số tiền (dưới 30.000.000đ), bản thân T chưa có tiền án, tiền sự về việc cho vay nặng lãi nên hành vi này không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã ban hành Công văn số 193 ngày 25/4/2022 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TD ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

[9]. Đối với Nguyễn Quang Đ, quá trình điều tra G khai nhận không trao đổi, bàn bạc về việc cầm cố chiếc xe mô tô của Tuấn A và Đ cũng không được hưởng lợi ích gì, cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng Đ vắng mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 328; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G **02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc G cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho anh Võ Thanh Tsố tiền 20.000.000đ không liên quan đến việc phạm tội.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- CA huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng